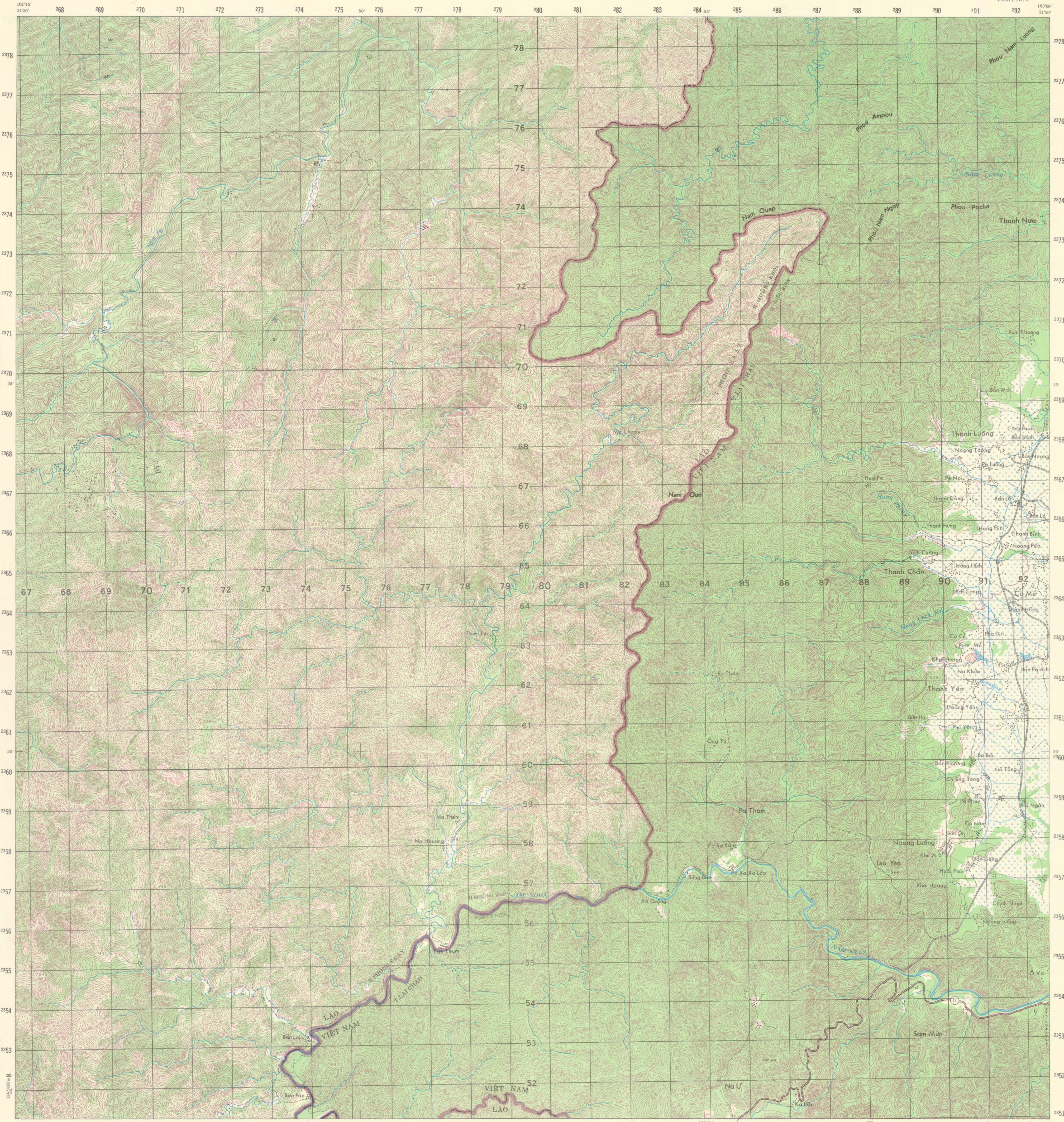




- Dường trục rải nhựa, đá, lèn đường
- Dường nhánh rải nhựa, đá
- Dường đất, lèn đường
- Dường đất nhỏ, Đường mòn
- Dường sắt kép, Ga trạm
- Dường sắt đơn, Đường gaông
- Tường, Bờ đắp
- Cầu lớn, Cầu nhỏ
- Pha, Chỗ lồi qua đèo
- Biên giới nước
- Ranh giới tỉnh
- Ranh giới huyện, quận
- Tỉnh lỵ, Huyện lỵ
- Lô cốt, Chìm, nổi, Hang động
- Trạm vô tuyến, Trạm khí tượng, Hầm mỏ
- Nghĩa địa
- Đồ cao, Đồ kiểm tra, chẩu kiểm tra
- Sân bay, Đung quanh năm, lũng mùa

- Thôn xóm, Khu nhà chẩu lều
- Nhà thờ, Trường, Đồn, Tàn tích
- Đền miếu, Chùa, Am
- Kênh, mương, đào, Rộng dưới 18m, Trên 18m
- Hồ ao, Cơ nước quanh năm, Túng mùa
- Đập xây, Đập đất
- Ghềnh chảy mạnh, Thác lớn, Thác nhỏ
- Rừng muối
- Bể nước, Giếng, Nguồn

1:50000
1 CM BẢNG 300M THỰC ĐỊA
1000M 500 0 1 2KM
KHOẢNG CAO ĐỀU CỦA DƯỜNG BÌNH ĐỘ CƠ BẢN LÀ 20M
BÌNH ĐỘ NÉT ĐỨT VỀ PHONG CHUNG
HỆ CHIỀU HÌNH U.T.M
THỂ BẦU DỤC QUẢ ĐẤT E-VỀ-RÉT
GỐC ĐẠI ĐỊA AN-ĐỘ
GỐC ĐỘ CAO MẶT NƯỚC BIỂN PHONG CHUNG

- Rừng già, Rừng thưa
- Bụi rậm, Đồn điền
- Chè, Cà phê
- Cao su, Cà
- Thông, Tre
- Dưa nước, Bãi bãi
- Đồi cỏ thể lự, Đống cỏ
- Rừng lùn, Đống lầy
- Vàng đá vôi hay đá

GEO TẤY TRANG 6M
0°46' (0-13, 0-14)
Trị số góc lệch nam châm đo năm 1965

BẢNG CHẬP		
5552.III	5552.II	5552.I
5551.IV	5551.I	5551.IV
5551.III	5551.II	5551.I

CỤC BẢN ĐỒ-BỘ TỔNG THAM MƯU-Q. Đ. N. D. V. N
In lần thứ hai năm 1982 theo 1:50000 U.T.M in năm 1979
1: Chính lý theo 1:50000 U.T.M điều tra
thực địa năm 1980
Cấp đường theo 1:500000 giao thông in
năm 1980